

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **316/2019/HS-PT**

Ngày: 28-10-2019

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Minh Tuấn;

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Tào;

Ông Nguyễn Cường.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Minh Hoàng, cán bộ Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa:
Ông Đỗ Xuân Ân - Kiểm sát viên.

Vào ngày 28 tháng 10 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng mở phiên tòa xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 79/TLPT-HS ngày 03 tháng 01 năm 2019 đối với bị cáo: **Vương Quốc T và đồng phạm** về tội “*Giết người*” và “*Cố ý gây thương tích*”. Do có kháng cáo của các bị cáo và đại diện hợp pháp của người bị hại đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 56/2018/HS-ST ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1316/2019/QĐXXPT-HS ngày 01 tháng 10 năm 2019.

- Bị cáo có kháng cáo, bị kháng cáo:

1. Họ và tên: **VƯƠNG QUỐC T**, sinh năm 1983 tại tỉnh Sóc Trăng; Trú tại: tỉnh Sóc Trăng; Tạm trú tại: thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ văn hóa: 6/12; Quốc tịch Việt Nam; Tôn giáo: không; Dân tộc: kinh; Con ông Vương Văn L2 - sinh năm 1953 (đã chết) và con bà Trang Thị Thu V1 - sinh năm 1954. Hiện trú tại: thành phố B, tỉnh Đắk Lắk;

Tiền án: Bị cáo có 01 tiền án; ngày 03/3/2003 bị Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xử phạt 20 năm tù về tội “*Giết người*”, ngày 30/8/2013 được đặc xá tha tù trước thời hạn.

Tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 02/4/2015 đến nay, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: **TRẦN MINH TR** (tên gọi khác: Tí Dừa), sinh năm 1987 tại Đăk Lăk; Trú tại: thành phố B, tỉnh Đăk Lăk; Nghề nghiệp: Buôn bán; Trình độ văn hóa: 9/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông Trần Hữu Đ4 - sinh năm 1961 và con bà Đặng Thị Phương Ch - sinh năm 1962. Hiện trú tại: Số thành phố B, tỉnh Đăk Lăk;

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 02/4/2015 đến nay, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

3. Họ và tên: **LÊ VĂN H**, sinh ngày 12/8/1998 tại tỉnh Đăk Lăk; Trú tại: thành phố B, tỉnh Đăk Lăk; Nghề nghiệp: Thợ hớt tóc; Trình độ văn hóa: 8/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông Lê Văn V4 - sinh năm 1976, hiện trú tại: thành phố B, tỉnh Đăk Lăk và con bà Nguyễn Thị Hồng Th - sinh năm 1977 (không biết địa chỉ hiện nay ở đâu).

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 02/4/2015 đến nay - Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

4. Họ và tên: **TRƯƠNG BÁ V** (tên gọi khác: Tý), sinh năm 1990 tại tỉnh Đăk Lăk; thành phố B, tỉnh Đăk Lăk; Nghề nghiệp: Rửa xe; Trình độ văn hóa: 11/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân Tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông Trương Bá Tr1 - sinh năm 1965 và con bà Đặng Thị H5 - sinh năm 1966. Hiện trú tại: thành phố B, tỉnh Đăk Lăk.

Tiền án: Bị cáo có 01 tiền án, ngày 15/6/2011 bị Tòa án nhân dân huyện Mang Yang, tỉnh Gia Lai xử phạt 04 năm 06 tháng tù về tội “*Cướp giật tài sản*”, đến ngày 29/6/2014 bị cáo đã chấp hành xong hình phạt.

Tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 02/4/2015 đến nay - Bị cáo vắng mặt tại phiên tòa.

5. Họ và tên: **VƯƠNG THỊ NGỌC H1** (tên gọi khác: Bé), sinh ngày: 14/01/1993 tại tỉnh Sóc Trăng; trú tại: tỉnh Sóc Trăng; Tạm trú tại: thành phố B, tỉnh Đăk Lăk; Nghề nghiệp: Thợ sửa điện thoại; Trình độ văn hóa: 7/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc; Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông Vương Văn L3 - sinh năm 1953 (đã chết) và con bà Trang Thị Thu V4 - sinh năm 1954. Hiện trú tại: thành phố B, tỉnh Đăk Lăk.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 03/4/2015 đến ngày 03/7/2015 được gia đình bảo lãnh, bị cáo được tại ngoại - Có mặt tại phiên tòa.

6. Họ và tên: **LÂM QUỐC H2**, sinh năm 1998 tại tỉnh Sóc Trăng; trú tại: tỉnh Sóc Trăng; Tạm trú tại: thành phố B, tỉnh Đăk Lăk; Nghề nghiệp: Không; Trình độ

văn hóa: 4/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: kinh; Tôn giáo: Không; Con ông Lâm Ngọc L2 - sinh năm 1971 và con bà Vương Trang Trường Thị Tuyết L1 - sinh năm 1975. thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo được tại ngoại - Có mặt tại phiên tòa.

* *Người bào chữa cho bị cáo Vương Quốc T, Trần Minh Tr, Lê Văn H:* Ông Phạm Ngọc T5 - là luật sư thuộc đoàn luật sư tỉnh Đắk Lắk.

Địa chỉ: thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt.

* *Người bào chữa cho bị cáo Trần Minh Tr:* Luật sư Phạm Thị Th1 - thuộc đoàn Luật sư tỉnh Đắk Lắk.

Địa chỉ: thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.

*** Bị hại:**

Người đại diện hợp pháp của bị hại: Bà Nguyễn Thị C; trú tại: Số 27 Đường HTM, phường TT, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:**

- Bà Đặng Thị Phương Ch2 - sinh năm 1962. Hiện trú tại: thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 21 giờ ngày 01/4/2015, Vương Quốc T, Trần Minh Tr, Lê Văn H và Phan Nhật T1 đến quán “SG” ở vỉa hè đường LHP, thành phố B để uống rượu. Trong khi ngồi uống rượu nhóm của T cho rằng nhóm thanh niên ngồi nhậu bàn bên cạnh gồm anh Nguyễn Thanh D, Bùi Văn T2, Phạm Văn Quốc Đ “*nhìn đểu*” nên nhóm của T gây sự và dẫn đến xô xát, đánh nhau. Trong lúc đánh nhau, T bị một thanh niên đánh trúng vào mặt nên bị thương nhẹ, cùng lúc này thấy đánh nhau nên một số thanh niên gần đó chạy lại nên nhóm của T bỏ chạy vào hẻm 151/11 đường LHP, phường Tân Tiến, thành phố B ở gần đó để trốn. Trong khi bỏ chạy T lấy trộm được 01 con dao thái lan của người phụ nữ bán bánh mỳ bỏ vào túi quần rồi dùng điện thoại di động gọi cho Trương Bá V đến, chị gái của T là Vương Trang Trường Thị Tuyết L1 biết được tin T bị đánh nên L1 nói lại với chồng là Lâm Ngọc L2 biết, đồng thời qua rủ em gái là Vương Thị Ngọc H1 đi tìm T. Nghe L1 nói T bị đánh thì H1 vào nhà nói lại với cháu là Lâm Quốc H2 và chị gái là Vương Trang Trường Thị Cẩm T3 và chồng của chị T3 là Đoàn Văn Q biết. Nghe H1 nói thì H2 trèo lên gác xép phòng trọ lấy cây kiếm nhật bọc vào trong áo khoác sau đó được H1 lấy xe Cub biển số 47AB-010.14 chở H2 đi trước, còn ông L2 lấy xe chở bà L1 theo sau. Sau khi nghe H1 kể

lại sự việc thì chị T3 cũng nói chồng là Q đi tìm T thì ông Q qua nhà ông Trần Minh Đ3 rủ Đ3 cùng đi tìm T. Cũng thời điểm này Vương Quốc D ở tại xã Cư Êbur, thành phố B cũng biết sự việc T bị đánh nên ông D cũng đi tìm T.

Khi nghe T gọi điện thoại nói bị đánh lúc này Trương Bá V đang uống cà phê cùng một số bạn bè nên V đã mượn xe máy biển số 47B1-710.97 của anh Võ Thanh H6 chạy đến gặp T, Tr và H ở đầu hẻm 151/11 đường LHP. Một lúc sau thì các ông Q, Đ3, D cũng tìm thấy nhóm của T tại đây. Lúc này, Văn Chí H1, Nguyễn Vũ Đức D1 nhìn thấy ông Q chạy xe chở Đ3 nên cũng chạy xe máy theo. Còn Hoàng Minh L và Đinh Đại Đông trên đường đi dự sinh nhật có điện thoại cho Nguyễn Vũ Đức D1 thì được D1 hẹn gặp tại đường LHP. Sau đó, L và Đông cùng chạy xuống chỗ nhóm Q và T đang đứng. Riêng Phan Nhật T1 sau khi xô xát tại quán “SG” và bỏ chạy thì nhờ bạn là Trần Đại N1 chở quay lại quán “SG” để lấy xe thì cũng gặp nhóm của T tại đầu hẻm 151/11 đường LHP. Lúc này, thấy T chỉ bị thương nhẹ và đã say rượu nên ông Đoàn Văn Q can ngăn và nói T đi về nhưng T không nghe mà chạy xe một mình xuống đường HTM để tìm đánh nhóm thanh niên vừa đánh mình. Thấy vậy, V cùng cả bọn có mặt tại đây đi theo Vương Quốc T, riêng Phan Nhật T1 và Trần Đại N1 lấy xe chở H và Tr xuống đến đầu ngã ba đường HTM – LHP thì H và Tr xuống đi bộ theo T còn Phan Nhật T1 và Trần Đại N1 quay đầu xe bỏ về. Khi nhóm Vương Quốc T xuống đến đường HTM thì phát hiện một nhóm thanh niên gồm anh Phạm Văn Quốc Đ, Bùi Văn T2, Nguyễn Thanh D và Dương Thành Đ1 đang ngồi chơi bên sạp gỗ tại đầu hẻm 42 đường HTM, anh Phạm Văn Quốc T4 đang ngồi chơi trên xe máy dựng trước nhà mình ở số 27 Đường HTM, thành phố B và bố của anh T2 là ông Phạm Văn H3 đang đứng ở trước quán tạp hóa của mẹ ông H3 là bà Đàm Thị L4 ở số nhà 29 Đường HTM, thấy nhóm của T đi đến thì anh Bùi Văn T2 và Nguyễn Thanh D bỏ chạy vào hẻm 42 đường HTM, còn anh Phạm Văn Quốc Đ đi đến ngồi trước hiên nhà mình ở số 27 Đường HTM, anh Dương Thành Đ2 thấy vậy nên cũng bỏ trốn vào trong nhà anh Phạm Văn Quốc Đ.

Thấy anh Bùi Văn T2 và anh Nguyễn Thanh D bỏ chạy vào hẻm 42 đường HTM nên T đuổi theo anh T2 và anh D nhưng không được nên quay lại đầu hẻm 42 đường HTM đứng. Cùng lúc này H1, H2, ông L2 và bà L1 cũng vừa đến. Tại đây, ông Q, ông D cùng các chị em tiếp tục can ngăn bảo T đi về thì T ngồi lên xe Cub để H1 chở về. Khi đến trước cổng Trường THCS LLQ ở số 52 Đường HTM thì T bức tức vì chưa tìm được nhóm thanh niên đánh mình nên T nhảy xuống xe đi bộ quay lại đầu hẻm 42 đường HTM đứng. Do can ngăn T ra về không được nên ông Q cùng các ông Đ3, ông L2, bà T3, ông D bỏ đi. Lúc này, tại đầu hẻm 42 đường HTM chỉ còn Vương Quốc T, H, Tr, V, H2, bà L1, H1 ở lại.

Lúc này, Vương Quốc T nói với H: “*Tụi mày biết nhà tụi nó ở đâu chỉ để tao xử tụi thằng một*”. Nghe vậy, thì H chỉ tay về số người đang đứng trước nhà 27 đường HTM và nói “*Tụi nó kìa anh*” còn Tr nhìn thấy anh Phạm Văn Quốc Đ mặc áo

thể thao màu đỏ giống với người trong nhóm vừa đánh mình đang ngồi trước hiên nhà 27 đường HTM nên nói với T: “*Phải nó không anh T*”. Nghe H và Tr nói vậy thì T đi qua đường về phía anh Phạm Văn Quốc Đ thì bị ông Phạm Văn H3 ngăn lại không cho vào nhà. Giữa T và ông H3 xảy ra lời qua tiếng lại cãi nhau. Thấy T đòi vào nhà mình và cãi nhau với bố nên anh Phạm Văn Quốc T4 nói: “*nhà của tao thắng nào vào tao chém chết*”. Nghe vậy, T đi đến chỗ anh Phạm Văn Quốc T4 đang ngồi trên xe máy dùng tay nắm 01 cái trúng vào mặt khiến anh T2 ngã xuống xe, bị đánh nên anh T2 chạy vào trong nhà lấy 01 con dao rựa ra rồi dùng dao nhắm vào người T chém từ trên xuống thì T đưa tay trái lên đỡ nên bị chém trúng tay gây thương tích. Bị chém, T dùng tay phải lấy dao từ trong túi quần ra đâm 02 nhát vào người anh T2 khiến anh T2 gục ngã xuống đường, T dùng tay nhặt lấy con dao rựa của anh T2 để làm hung khí tiếp tục đánh nhau với anh Phạm Văn Quốc H4, anh H4 dùng dao chém T thì T né tránh, dùng dao rựa đỡ đồng thời dùng dao thái lan đánh lại, đánh nhau được khoảng 1-2 phút thì T bị anh Nguyễn Hùng Nh dùng chân đạp 01 cái trúng lưng nên T bỏ chạy về hướng đường LHP. Trên đường bỏ chạy T vứt dao dùng để đâm anh T2 và ném con dao rựa lại phía sau nhằm cản đường không cho người khác đuổi theo.

Cũng trong lúc cãi vã, xô xát đánh nhau ông Phạm Văn H3 chạy vào nhà lấy 01 cái xẻng, 01 con dao rựa, anh Phạm Văn Quốc Đ, Phạm Văn Quốc H4 cũng vào nhà cầm cây, rựa chạy ra đánh nhau với nhóm của T.

Trong khi đánh nhau lộn xộn thì Tr chạy lại chỗ Lâm Quốc H2 đang đứng dùng tay cầm cán kiếm từ trong người Lâm Quốc H2 ra rồi dùng kiếm chém 01 cái trúng vào vùng lưng của anh Phạm Văn Quốc H4 gây thương tích. Chém xong, Tr cầm kiếm bỏ trốn vào trong hẻm 42 đường HTM. Còn Trương Bá V nhặt được 01 cây dao rựa rơi ra đường chém trúng người anh Phạm Văn Quốc Đ làm anh Đ bị thương. Cùng lúc này ông H3 cầm rựa và xẻng đuổi đánh nhóm người gồm H1, H2, V, H và 01 đối tượng nữa (chưa xác định được nhân thân lai lịch) về hướng Trường tiểu học dân lập VL. Bị ông H3 đuổi đánh thì H, H2, H1 bỏ chạy rồi ném gạch, đá về phía sau. Khi ông H3 cầm dao chạy đến trước cổng Trường tiểu học dân lập VL thì ông H3 bị 01 thanh niên (chưa rõ nhân thân lai lịch) cầm dao rựa chém từ trên xuống trúng đầu khiến ông H3 gục ngã.

Trong khi bỏ chạy thoát, trên đường đi T vứt nốt con dao thái lan dùng vào việc phạm tội, sau đó biết mình đã dùng dao đâm chết người nên đến 01^h 00 ngày 02/4/2015 Vương Quốc T đến Công an thành phố B đầu thú.

Các anh Phạm Văn Quốc T4, Phạm Văn Quốc H4, Phạm Văn Quốc Đ và ông Phạm Văn H3 được gia đình đưa đi cấp cứu nhưng do vết thương quá nặng nên anh Phạm Văn Quốc T4 đã tử vong, còn anh H4, anh Đ bị thương nhẹ, sau khi điều trị xuất viện. Riêng ông Phạm Văn H3 sau khi cấp cứu điều trị tại bệnh viện đa khoa

tỉnh Đắk Lắk và bệnh viện Chợ Rẫy thành phố Hồ Chí Minh đến ngày 07/6/2015 thì tử vong.

Tại bản kết luận pháp y tử thi số 194/GĐPY ngày 28/3/2016 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk kết luận nguyên nhân tử vong của anh Phạm Văn Quốc T4 là do: Đa vết thương ngực trái và tay trái tổn thương cơ, mạch máu tay trái và đứt xương sườn, thủng phổi trái dẫn đến mất máu suy tuần hoàn không hồi phục.

Tại bản kết luận giám định pháp y thương tích số 421/PY-TgT ngày 07/4/2015 của Trung tâm pháp y tỉnh Đắk Lắk kết luận anh Phạm Văn Quốc H4 bị đa thương phẩm mềm, tỷ lệ 8%.

Tại bản kết luận giám định pháp y thương tích bổ sung số 349/PY-TgT ngày 21/3/2016 của Trung tâm pháp y tỉnh Đắk Lắk kết luận anh Phạm Văn Quốc H4 bị vết thương cạnh hõm nách trái, tỉ lệ thương tích 04%, vết thương mu bàn tay trái, tỉ lệ thương tích 02%, vết thương ở trung đòn trái, tỉ lệ thương tích 01%, vết thương bả vai, tỉ lệ thương tích 01%, tổng số thương tích 08%, vật tác động sắc nhọn.

Tại bản kết luận giám định pháp y thương tích số 422/PY-TgT ngày 07/4/2015 của Trung tâm pháp y tỉnh Đắk Lắk kết luận anh Phạm Văn Quốc Đ bị đa thương phẩm mềm, tỷ lệ 18%.

Tại bản kết luận giám định pháp y thương tích bổ sung số 350/PY-TgT ngày 21/3/2016 của Trung tâm pháp y tỉnh Đắk Lắk kết luận anh Phạm Văn Quốc Đ bị vết thương bả vai thấu ngực, tỉ lệ thương tích 08%, vết thương khuỷu trái, tỉ lệ thương tích 06%, vết thương cẳng tay trái, tỉ lệ thương tích 02%, vết thương bàn tay trái, tỉ lệ thương tích 02%, tổng số thương tích 18%, vật tác động sắc nhọn.

Tại bản kết luận giám định pháp y thương tích số 811/PY-TgT ngày 05/8/2015 của Trung tâm pháp y tỉnh Đắk Lắk kết luận Vương Quốc T bị đa thương phần mềm, tỉ lệ thương tích 7%.

Tại bản kết luận giám định tuổi số 1687/C54B ngày 24/6/2015 của Phân viện KHHS tại thành phố Hồ Chí Minh kết luận độ tuổi của Lâm Quốc H2 vào thời điểm giám định (tháng 6/2015): Khoảng từ 16 năm 09 tháng đến 17 năm 03 tháng.

Trong quá trình điều tra vụ án, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đắk Lắk có trích xuất được một file Camera ghi hình của Trường tiểu học dân lập VL ghi lại hình ảnh ông Phạm Văn H3 cầm dao đuổi đánh một số đối tượng, sau đó bị một thanh niên dùng dao chém vào đầu làm ông H3 bất tỉnh trước cổng Trường tiểu học dân lập VL. Cơ quan cảnh sát điều tra đã trưng cầu giám định nội dung file Camera đã được thu giữ. Tại bản kết luận giám định số 211/C54-P5 ngày 01/3/2016 của Viện khoa học hình sự, Bộ Công an thể hiện: Tệp hình ảnh có tên 20150401-221502-11-01.mp4 dung lượng 28,5MB thời lượng 26 phút, 15 giây hình ảnh trích được mờ, nhòe hình

ảnh thiếu ánh sáng, được ghi hình lúc trời tối, khoảng cách ghi hình xa nên không thể hiện đặc điểm để tiến hành nhận dạng, kết luận:

- Không đủ cơ sở để xác định đối tượng dùng hung khí chém ông Phạm Văn H3 là đối tượng nào trong 14 đối tượng có mẫu ảnh so sánh.

- Không đủ điều kiện để làm rõ các hình ảnh các đối tượng tham gia đánh nhau với ông Phạm Văn H3

- Không xác định được chiều cao, cân nặng của đối tượng dùng dao chém ông Phạm Văn H3.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 56/2018/HS-ST ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

Tuyên bố: Các bị cáo Vương Quốc T, Trần Minh Tr, Lê Văn H phạm tội “*Giết người*” và tội “*Cố ý gây thương tích*”. Bị cáo Trương Bá V phạm tội “*Cố ý gây thương tích*”. Các bị cáo Vương Thị Ngọc H1, Lâm Quốc H2 phạm tội “*Gây rối trật tự công cộng*”.

- *Áp dụng điểm n, p khoản 1 Điều 93; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, điểm c khoản 1 Điều 50 Bộ luật hình sự năm 1999; khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội về việc thi hành Bộ luật Hình sự số 100/2015/QH13.*

Xử phạt: Bị cáo **VƯƠNG QUỐC T** tù chung thân về tội “*Giết người*” và 04 (bốn) năm tù về tội: “*Cố ý gây thương tích*”, tổng hợp hình phạt của cả hai tội buộc bị cáo Vương Quốc T phải chấp hành hình phạt chung là tù chung thân. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam, ngày 02/4/2015.

- *Áp dụng điểm n khoản 1 Điều 93; điểm b, p khoản 1 Điều 46, điểm a khoản 1 Điều 50 Bộ luật hình sự năm 1999; khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội về việc thi hành Bộ luật Hình sự số 100/2015/QH13.*

Xử phạt: Bị cáo **TRẦN MINH TR** 15 (mười lăm) năm tù về tội “*Giết người*” và 03 (ba) năm tù về tội: “*Cố ý gây thương tích*”, tổng hợp hình phạt của cả hai tội buộc bị cáo Trần Minh Tr phải chấp hành hình phạt chung là 18 (mười tám) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam, ngày 02/4/2015.

- *Áp dụng điểm n khoản 1 Điều 93; điểm b, p khoản 1 Điều 46, Điều 69, khoản 1 Điều 74; điểm a khoản 1 Điều 50 Bộ luật hình sự năm 1999; khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội về việc thi hành Bộ luật Hình sự số 100/2015/QH13.*

Xử phạt: Bị cáo **LÊ VĂN H** 10 (mười) năm tù về tội “*Giết người*” và 01 (một) năm về tội “*Cố ý gây thương tích*”, tổng hợp hình phạt của cả 2 tội buộc bị cáo Lê

Văn H phải chấp hành hình phạt chung là 11 năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam, ngày 02/4/2015.

- *Áp dụng khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự năm 1999; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội về việc thi hành Bộ luật Hình sự số 100/2015/QH13.*

Xử phạt: Bị cáo **TRƯỜNG BÁ V** 04 (bốn) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam, ngày 02/4/2015.

- *Áp dụng khoản 1 Điều 245; điểm h, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999*

Xử phạt: Bị cáo **VƯƠNG THỊ NGỌC H1** 07 (bảy) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, được khấu trừ thời gian tạm giam từ ngày 03/4/2015 đến ngày 03/7/2015.

- *Áp dụng khoản 1 Điều 245, điểm h, p khoản 1 Điều 46; Điều 69, khoản 1 Điều 74 Bộ luật hình sự năm 1999*

Xử phạt: Bị cáo **LÂM QUỐC H2** 09 (chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Ngoài ra, bản án còn tuyên quyết định về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng; án phí; quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 01/12/2018, bị cáo Vương Thị Ngọc H1 kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo.

Ngày 04/12/2018, bị cáo Trần Minh Tr và bị cáo Lê Văn H kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 06/12/2018, bị cáo Lâm Quốc H2 kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo.

Ngày 11/12/2018, đại diện hợp pháp của người bị hại – bà Nguyễn Thị C kháng cáo đề nghị tăng mức hình phạt đối với bị cáo Vương Quốc T, Lê Văn H, Trương Bá V.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát cấp cao tại Đà Nẵng cho rằng hành vi phạm tội của các bị cáo thuộc nhóm tội “Giết người” đã gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng. Hình phạt của bị cáo Vương Quốc T là thỏa đáng do bị cáo có nhân thân không tốt. Các bị cáo Trần Minh Tr, Lê Văn H mặc dù không trực tiếp thực hiện hành vi gây ra cái chết của người bị hại, nhưng tiếp cận ý chí của bị cáo T nên đồng phạm về tội “Giết người” với hậu quả nêu trên, nên mức hình phạt của bị cáo Tr, H là tương xứng với mức độ hành vi, hậu quả của các bị cáo gây ra, nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo đối với các bị cáo.

Đối với kháng cáo của đại diện người bị hại là không có căn cứ, bởi lẽ việc trình bày của gia đình người bị hại hoàn toàn do nghe người khác kể lại mà không được thu thập, điều tra theo trình tự, tổ tụng hình sự, nên không có cơ sở chấp nhận.

Về nhóm tội “ Gây rối trật tự công cộng”, bị cáo Lâm Quốc H2 mang kiếm đến nơi các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội, để bị cáo Tr dùng kiếm gây thương tích cho người bị hại, nên hình phạt cấp sơ thẩm áp dụng là thỏa đáng, không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bị cáo H2. Đối với bị cáo Vương Thị Ngọc H1, hành vi phạm tội có mức độ, là phụ nữ và là em ruột của bị cáo Vương Quốc T, nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng án treo, không cần thiết phải cách ly xã hội để thể hiện tính nhân đạo của pháp luật.

Luật sư bào chữa cho bị cáo Trần Minh Tr cho rằng bị cáo Tr không biết hành vi của Vương Quốc T chém chết người bị hại, việc bị cáo Tr chỉ nói người giống anh Đ, chứ không phải giống anh T2, nên quyết định chém ai là của T chứ Tr không thể quyết định. Mặt khác, Tr cũng không biết T có cầm hung khí, nên Tr chỉ phạm tội “ Cố ý gây thương tích” vì không cùng thống nhất ý chí với T về tội “ Giết người”. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố Trần Minh Tr không phạm tội về tội “ Giết người” và giảm hình phạt cho bị cáo Tr về tội “ Cố ý gây thương tích”.

Luật sư Phạm Ngọc T5 xin xét xử vắng mặt, có gửi bản luận cứ bào chữa cho các bị cáo Vương Quốc T, Trần Minh Tr, Lê Văn H đề nghị Hội đồng xét xử giảm hình phạt cho bị cáo Vương Quốc T, tuyên các bị cáo Trần Minh Tr, Lê Văn H không phạm tội “ Giết người”, giảm hình phạt cho các bị cáo về tội “ Cố ý gây thương tích”.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Vương Quốc T, Trần Minh Tr, Lê Văn H, Trương Bá V, Vương Thị Ngọc H1 và Lâm Quốc H2 khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, lời khai nhận tội của các bị cáo cơ bản phù hợp với nhau và phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác, được thu thập có tại hồ sơ vụ án; do đó, có đủ cơ sở kết luận: Xuất phát từ việc mâu thuẫn đánh nhau trước đó tại quán “SG” giữa Vương Quốc T với nhóm thanh niên gồm Nguyễn Thanh D, Bùi Văn T2, Phạm Văn Quốc Đ. Trong lúc đánh nhau, T bị một thanh niên đánh trúng vào vùng mặt, gây thương tích nhẹ. Do thấy đông người, nên Vương Quốc T cùng bạn chạy trốn vào hẻm 151/11 đường LHP, Thành phố B. Sau đó, T gọi điện thoại cho Trương Bá V đến cùng Trần Văn Tr, Lê Văn H cùng một số người đến, chuẩn bị hung khí là dao, kiếm đi tìm nhóm thanh niên đã đánh T để trả thù; khi đến trước hẻm số 42 đường HTM Thành phố B thì Đoàn Văn Q, Vương Quốc D, Bùi Minh Đ3, Vương Trang Trường Thị Tuyết L1 và một số người can ngăn, chở T về. Do bực tức nên T nhảy xuống xe, quay lại hẻm số 42 đường HTM Thành phố B thì gặp Trần Văn Tr, Lê Văn H, Trương Bá

V, Vương Thị Ngọc H1, Lâm Quốc H2 và Tuyết L1, còn mọi người khác đã đi về. Lúc này, T nói với H: “Tụi mày biết nhà tui nó ở đâu chỉ tao để tao xử tụi thằng một”; nghe vậy, H chỉ số người đang đứng trước nhà số 27 đường HTM, Thành phố B và nói “Tụi nó kia anh”; còn Tr nhìn thấy anh Phạm Văn Quốc Đ giống người trong nhóm đánh T nên nói “Phải nó không anh T”. Nghe H và Tr nói vậy, T đi về phía anh Đ thì ông Phạm Văn H3 ngăn lại, không cho vào nhà. Thấy T đòi vào nhà và cãi nhau với bố nên anh Phạm Văn Quốc T4 nói “Nhà của tao thằng nào vào tao chém chết”. Sau đó, T xông dùng tay đâm anh T2 01 cái vào vùng mặt, anh T2 chạy vào nhà lấy rựa chém lại T trúng vào vùng tay gây thương tích. Bị chém, T liền dùng dao đâm anh T2 rồi dùng rựa chém anh H4; Tr dùng kiếm chém anh H4; Vương dùng rựa chém anh Đ; hậu quả anh T2 bị chết, anh Đ bị thương tích với tỷ lệ tổn thương cơ thể là 18%, anh H4 bị thương tích với tỷ lệ tổn thương cơ thể là 08%; còn bản thân T bị thương tích với tỷ lệ tổn thương cơ thể là 07%. Còn Lâm Quốc H2 thì mang theo kiếm, dẫn đến Trần Minh Tr lấy kiếm của H2 gây thương tích đối với anh Phạm Văn Quốc H4. Ngoài ra, trong lúc các bị cáo đánh nhau, thì H2 và Vương Thị Ngọc H1 hò hét, dùng gạch, đá ném vào các bị hại, góp phần gây ồn ào, mất trật tự trị an trên địa bàn.

Với hành vi phạm tội như trên, Tòa án cấp sơ thẩm kết án các bị cáo Vương Quốc T, Trần Minh Tr, Lê Văn H về tội “Giết người” và tội “Cố ý gây thương tích” theo Điều 93 Bộ luật Hình sự năm 1999 và Điều 134 Bộ luật Hình sự năm 2015; kết án Trương Bá V về tội “Cố ý gây thương tích” Điều 134 Bộ luật Hình sự năm 2015; kết án các bị cáo Vương Thị Ngọc H1 và Lâm Quốc H2 về tội “Gây rối trật tự công cộng” theo Điều 245 Bộ luật Hình sự năm 1999 là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2]. Hành vi phạm tội của các bị cáo là rất nghiêm trọng, thể hiện tính côn đồ hung hãn; chỉ vì trước đó các bị hại nhìn nhóm bị cáo khi nhậu tại quán “SG” thì các bị cáo cho rằng “Nhìn đều” và lập tức gây sự, đánh nhau. Sau khi bỏ chạy thì quay lại tìm đánh trả thù, dù được mọi người can ngăn nhưng các bị cáo vẫn hung hãn, mang theo nhiều hung khí nguy hiểm quay lại, quyết tâm thực hiện hành vi phạm tội đến cùng; thể hiện sự quyết liệt của các bị cáo khi thực hiện hành vi phạm tội, dẫn đến hậu quả nhiều người bị thương tích và chết, gây đau thương, mất mát không gì bù đắp được đối với gia đình người bị hại. Vì vậy, cần phải xử phạt các bị cáo mức hình phạt nghiêm khắc mới đủ tác dụng cải tạo giáo dục đối với các bị cáo và răn đe phòng ngừa chung.

[3]. Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo Trần Minh Tr và Lê Văn H, thấy: Trong vụ án này, mặc dù Trần Minh Tr và Lê Văn H không bàn bạc cụ thể với Vương Quốc T và không trực tiếp gây ra cái chết đối với anh Phạm Văn Quốc T4, nhưng các bị cáo đã tiếp nhận ý chí lẫn nhau và chính Trần Minh Tr là người chỉ anh Phạm Văn Quốc Đ cho Vương Quốc T biết, đồng thời bị cáo còn trực tiếp dùng kiếm chém anh Phạm Văn Quốc H4 gây thương tích; còn Lê Văn H đã chỉ địa điểm

rồi cùng T và Tr đến nhà các bị hại gây án. Hành vi của Tr, H là đồng phạm giúp sức tích cực cho Vương Quốc T thực hiện hành vi phạm tội, do đó các bị cáo phải chịu trách nhiệm về hậu quả do chính Vương Quốc T và chính các bị cáo gây ra.

Khi quyết định hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét, đánh giá đúng tính chất, mức độ và vai trò của các bị cáo khi thực hiện hành vi phạm tội; đồng thời, xét thấy sau khi phạm tội các bị cáo ăn năn hối cải, thành khẩn khai báo và tích cực tác động gia đình bồi thường cho gia đình người bị hại, bị cáo H phạm tội ở độ tuổi dưới 18 tuổi, nên tuyên phạt Trần Minh Tr 18 năm tù; Lê Văn H 11 năm tù, đều về tội “Giết người” và tội “Cố ý gây thương tích” là phù hợp; tương xứng với hành vi và hậu quả do từng bị cáo gây ra và đúng với nguyên tắc xử lý người chưa thành niên phạm tội. Do đó, kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo là không có căn cứ để xem xét chấp nhận.

[4]. Xét kháng cáo xin giảm hình phạt và được hưởng án treo của các bị cáo Lâm Quốc H2 và Vương Thị Ngọc H1, thấy: Vương Thị Ngọc H1 chính là người rủ Lâm Quốc H2 đi tìm T. Mặc dù lúc đầu mục đích của các bị cáo là để can ngăn, nhưng khi đi thì H2 mang theo 01 cây kiếm, dẫn đến khi xô xát đánh nhau thì Tr giật lấy kiếm làm hung khí gây án. Ngoài ra, trong lúc các bị cáo khác đánh nhau, thì H2 và Vương Thị Ngọc H1 hò hét, dùng gạch, đá ném vào các bị hại, góp phần gây ồn ào, mất trật tự trị an trên địa bàn; mặt khác hậu quả của vụ án xảy ra vô cùng thương tâm, cả gia đình bị chết 02 người và bị thương nhiều người, nên cần xử phạt các bị cáo mức hình phạt nghiêm khắc, cách ly các bị cáo ra ngoài đời sống xã hội một thời gian, mới đủ tác dụng cải tạo giáo dục đối với các bị cáo và răn đe phòng ngừa chung. Hành vi phạm tội của các bị cáo tạo thêm sức mạnh về tinh thần cho các bị cáo khác phạm tội “Giết người” và “Cố ý gây thương tích”, phạm vào khoản 1 Điều 245 Bộ luật Hình sự năm 1999, có khung hình phạt tù từ 03 tháng đến hai năm. Khi quyết định hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét đánh giá tính chất, mức độ thực hiện hành vi phạm tội của các bị cáo, xử phạt Lâm Quốc H2 09 tháng tù, Vương Thị Ngọc H1 07 tháng tù, đều về tội “Gây rối trật tự công cộng” là thỏa đáng, mức hình phạt trên là phù hợp, không nặng. Do đó, kháng cáo xin giảm hình phạt và được hưởng án treo của các bị cáo là không có căn cứ để xem xét chấp nhận.

[5]. Xét kháng cáo của đại diện hợp pháp người bị hại, thấy:

- Đối với yêu cầu tăng hình phạt đối với các bị cáo Vương Quốc T, Lê Văn H, Trương Bá V: Vương Quốc T chính là người khởi xướng, cầm đầu và trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội một cách côn đồ, hung hãn, chính bị cáo là người dùng dao đâm anh Phạm Văn Quốc T4 dẫn đến chết; mặt khác bị cáo đã từng bị kết án về tội “Giết người”, chưa được xóa án tích nhưng lại tiếp tục thực hiện hành vi “Giết người” nên đã phạm vào tình tiết định khung tăng nặng “Có tính chất côn đồ” và “Tái phạm nguy hiểm” quy định tại điểm n, p khoản 1 Điều 93 Bộ luật Hình sự năm 1999,

có khung hình phạt tù từ 12 năm đến 20 năm, tù chung thân hoặc tử hình. Tuy nhiên, xét thấy trong vụ án này, anh Phạm Văn Quốc T4 cũng có phần lỗi vì đã dùng dao chém bị cáo dẫn đến thương tích với tỷ lệ tổn thương cơ thể 07%; mặt khác, sau khi phạm tội bị cáo ăn năn hối cải, thành khẩn khai báo, tích cực bồi thường cho gia đình người bị hại, điều đó thể hiện bị cáo còn có tính người; khả năng cải tạo, giáo dục bị cáo thành công dân có ích cho xã hội chưa hết, nên Tòa án cấp sơ thẩm tuyên phạt bị cáo tù chung thân về tội “Giết người”, 04 năm tù về tội “Cố ý gây thương tích” là thỏa đáng.

Trước khi Vương Quốc T dùng dao đâm anh T2, bị cáo Trương Bá V đã có hành động ngăn cản, kéo T lại nhưng không được; sau khi T đâm anh T2 gục ngã, người nhà anh T2 rượt đuổi đánh trả thì Vương mới nhặt dao gây thương tích đối với anh Phạm Văn Quốc Đ. Sau khi phạm tội bị cáo ăn năn hối cải, thành khẩn khai báo, tích cực bồi thường cho gia đình người bị hại nên Tòa án cấp sơ thẩm tuyên phạt bị cáo 04 năm tù về tội “Cố ý gây thương tích” là thỏa đáng, tương xứng với tính chất, mức độ thực hiện hành vi phạm tội của bị cáo.

Đối với các bị cáo Trần Minh Tr, Lê Văn H, như đã phân tích ở mục [3], Tòa án cấp sơ thẩm tuyên phạt Trần Minh Tr 18 năm tù; Lê Văn H 11 năm tù, đều về tội “Giết người” và tội “Cố ý gây thương tích” là phù hợp; tương xứng với hành vi và hậu quả do từng bị cáo gây ra và đúng với nguyên tắc xử lý người chưa thành niên phạm tội

Do đó, kháng cáo yêu cầu tăng hình phạt đối với các bị cáo Vương Quốc T, Trần Minh Tr, Lê Văn H, Trương Bá V của đại diện hợp pháp người bị hại là không có căn cứ, nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

- Đối với yêu cầu xử lý hình sự chị Vương Trang Trường Thị Cẩm T3 vì cho rằng chị T3 nói “Tụi mày chém chết mẹ nó đi có gì để chế lo”. Tuy nhiên quá trình điều tra lại, đại diện hợp pháp người bị hại khai khi xảy ra sự việc, bà không có mặt tại hiện trường, không trực tiếp nghe chị T3 nói, mà chỉ nghe kể lại. Do đó, các cơ quan tiến hành tố tụng tỉnh Đắk Lắk không xem xét, xử lý hình sự đối với chị Vương Trang Trường Thị Cẩm T3 là phù hợp. Bà Nguyễn Thị C kháng cáo yêu cầu xem xét, xử lý hình sự đối với chị T3, nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì chứng minh chị T3 có liên quan đến vụ án trên nên Hội đồng xét xử không có căn cứ để xem xét, chấp nhận.

- Đối với yêu cầu xử lý dấu hiệu bao che tội phạm giết ông Phạm Văn H3; nghi ngờ anh Vương Quốc D là người chém chết ông H3: Quá trình điều tra và điều tra lại, các cơ quan tiến hành tố tụng xác định khi đến trước hẻm số 42 đường HTM Thành phố B thì các anh Đoàn Văn Q, Vương Quốc D, Bùi Minh Đ3 và một số người can ngăn, chở T về; nhưng do bức tức nên Vương Quốc T nhảy xuống xe, quay lại hẻm số 42 đường HTM, Thành phố B, lúc này chỉ còn Trần Văn Tr, Lê Văn H, Trương Bá

V, Vương Thị Ngọc H1, Lâm Quốc H2 và Tuyết L1 đang ở tại hiện trường, còn mọi người khác đã đi về. Mặt khác, Cơ quan điều tra đã Trch xuất hình ảnh từ Camera của Trường tiểu học dân lập VL để xác minh, làm rõ ai đã dùng dao chém ông Phạm Văn H3 chết; qua giám định không đủ cơ sở xác định được đối tượng dùng hung khí chém ông H3, không đủ điều kiện làm rõ hình ảnh các đối tượng tham gia đánh nhau với ông H3. Vì vậy, các cơ quan tiến hành tố tụng tỉnh Đắk Lắk tách ra để tiếp tục điều tra, giải quyết bằng vụ án khác là phù hợp, đúng quy định của pháp luật. Bà Nguyễn Thị C không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì chứng minh nghi ngờ của mình là có căn cứ, vì vậy Hội đồng xét xử không thể xem xét, giải quyết.

[6]. Do không được chấp nhận kháng cáo, nên các bị cáo Trần Minh Tr, Lê Văn H, Lâm Quốc H2 và Vương Thị Ngọc H1 phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì những lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 355; Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự;

1. Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Trần Minh Tr, Lê Văn H, Lâm Quốc H2 và Vương Thị Ngọc H1 và kháng cáo của bà Nguyễn Thị C - đại diện hợp pháp người bị hại, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Áp dụng điểm n, p khoản 1 Điều 93; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, điểm c khoản 1 Điều 50 Bộ luật Hình sự năm 1999; khoản 2 Điều 134 Bộ luật Hình sự năm 2015; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội về việc thi hành Bộ luật Hình sự số 100/2015/QH13, xử phạt bị cáo Vương Quốc T tù chung thân về tội “Giết người” và 04 (bốn) năm tù về tội: “Cố ý gây thương tích”. Tổng hợp hình phạt của cả hai tội buộc bị cáo Vương Quốc T phải chấp hành hình phạt chung là tù chung thân. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 02/4/2015.

- Áp dụng điểm n khoản 1 Điều 93; điểm b, p khoản 1 Điều 46, điểm a khoản 1 Điều 50 Bộ luật Hình sự năm 1999; khoản 2 Điều 134 Bộ luật Hình sự năm 2015; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội về việc thi hành Bộ luật Hình sự số 100/2015/QH13, xử phạt bị cáo Trần Minh Tr 15 (mười lăm) năm tù về tội “Giết người” và 03 (ba) năm tù về tội “Cố ý gây thương tích”. Tổng hợp hình phạt của cả hai tội buộc bị cáo Trần Minh Tr phải chấp hành hình phạt chung là 18 (mười tám) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 02/4/2015.

- Áp dụng điểm n khoản 1 Điều 93; điểm b, p khoản 1 Điều 46, Điều 69, khoản 1 Điều 74; điểm a khoản 1 Điều 50 Bộ luật Hình sự năm 1999; khoản 2 Điều 134 Bộ luật Hình sự năm 2015; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội về việc thi hành Bộ luật Hình sự số 100/2015/QH13, xử phạt bị cáo Lê Văn H 10

(mười) năm tù về tội “Giết người” và 01 (một) năm về tội “Cố ý gây thương tích”. Tổng hợp hình phạt của cả 2 tội buộc bị cáo Lê Văn H phải chấp hành hình phạt chung là 11 năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 02/4/2015.

- Áp dụng khoản 2 Điều 134 Bộ luật Hình sự năm 2015; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 1999; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội về việc thi hành Bộ luật Hình sự số 100/2015/QH13, xử phạt bị cáo Trương Bá V 04 (bốn) năm tù về tội “Cố ý gây thương tích”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 02/4/2015.

- Áp dụng khoản 1 Điều 245, điểm h, p khoản 1 Điều 46; Điều 69, khoản 1 Điều 74 Bộ luật Hình sự năm 1999, xử phạt bị cáo Lâm Quốc H2 09 (chín) tháng tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

- Áp dụng khoản 1 Điều 245; điểm h, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999, xử phạt bị cáo Vương Thị Ngọc H1 07 (bảy) tháng tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, được khấu trừ thời gian tạm giam từ ngày 03/4/2015 đến ngày 03/7/2015.

2. Mỗi bị cáo Trần Minh Tr, Lê Văn H, Lâm Quốc H2 và Vương Thị Ngọc H1 phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm số 56/2018/HSST ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Vụ Giám đốc kiểm tra I, TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Phòng HSNV - Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Cơ quan CSTHAHS - Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- Cục THADS tỉnh Đắk Lắk;
- Trại tạm giam CA tỉnh Đắk Lắk;
- Bị cáo; Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu HSYVA, LT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Trần Minh Tuấn